

Số: /BC-BV

Than Uyên, ngày 02 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả quản lý chương trình chống lao Quý II năm 2026

Thực hiện Kế hoạch chương trình phòng, chống Lao năm 2026. Bệnh viện Đa khoa Than Uyên báo cáo kết quả quản lý chương trình chống lao quý II năm 2026, cụ thể như sau:

1. Kết quả báo cáo quản lý chương trình chống lao Quý II/2026 (Mẫu M9)
2. Kết quả báo cáo tình hình đăng ký điều trị bệnh nhân lao (Mẫu M6).
3. Kết quả quản lý và điều trị lao tiềm ẩn ở các nhóm nguy cơ khác (Mẫu LTA_M3).
4. Kết quả quản lý và điều trị lao tiềm ẩn ở người tiếp xúc
5. Kết quả kết quả âm hoá đờm sau 2 (3) tháng điều trị đối với bệnh nhân Lao phổi AFB(+) (Mẫu M7).
6. Kết quả kết quả điều trị bệnh nhân lao (M8).

(Có các biểu báo cáo kèm theo)

Trên đây là Báo cáo của Bệnh viện Đa khoa Than Uyên về kết quả quản lý chương trình chống lao Quý II năm 2026./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện Phổi tỉnh Lai Châu;
- Ban Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Vũ Văn Quang

BÁO CÁO QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO
Quý II/2026

Tên đơn vị báo cáo: Bệnh viện Đa khoa Than Uyên

Ngày báo cáo: 02/7/2026

Người báo cáo: Đinh Ngọc Hà

Phân loại đơn vị báo cáo quản lý: CTCL [x]

Y tế công []

Y tế tư []

Phần 1: Tình hình phát hiện bệnh lao

Chi số phát hiện	Tổng số	Đơn vị giới thiệu người bệnh vào hệ thống CTCL (chỉ thống kê với đơn vị của hệ thống CTCL)			
		CTCL	Y tế công	Y tế tư	Tự đến
Số người nghi lao đến khám:	126	126	0	0	0
<i>Trong đó:</i>					
- Số người nghi lao được xét nghiệm VK học	126	126	0	0	0
- Số người bệnh HIV đến khám lao	0	0	0	0	0
Số bệnh nhân lao phát hiện:	1	1	0	0	0
<i>Trong đó:</i>					
- Số bệnh nhân lao có bằng chứng VK học	1		0	0	0
- Số BN lao thường	0	0	0	0	0
- Số BN lao đa kháng	0	0	0	0	0
- HIV/Lao	0	0	0	0	0
- Lao trẻ em	0	0	0	0	0
Số BN lao đến ĐKĐT	0	0	0	0	0
<i>Trong đó:</i>					
- Số BN lao đến ĐKĐT có bằng chứng VK học	1	1	0	0	0
- Số BN lao thường	0	0	0	0	0
- Số BN lao đa kháng	0	0	0	0	0

Phần 4. Tình hình nhân lực và đào tạo (Báo cáo một lần vào cuối năm)

Phân loại cán bộ tham gia CTCL (chuyên trách và kiêm nhiệm)	Tổng số nhân lực hiện có	Số nhân lực được đào tạo CTCL trong năm	Tổng số nhân lực đã được đào tạo CTCL	Số nhân lực cần đào tạo mới	Số nhân lực cần đào tạo lại
A, Nhân lực các đơn vị y tế trong huyện (hoặc đơn vị)					
Tổng số:	0	0	0	0	0
B. Nhân lực Tổ chống lao tuyến huyện (hoặc đơn vị)					
Cán bộ chống lao (chuyên trách)	0	0	0	0	0
Cán bộ chống lao (kiêm nhiệm)	0	0	0	0	0
Kỹ thuật viên xét nghiệm lao chuyên trách	0	0	0	0	0
Kỹ thuật viên xét nghiệm lao kiêm nhiệm	0	0	0	0	0
Cán bộ thống kê báo cáo (kiêm nhiệm)	0	0	0	0	0
Cán bộ giám sát (kiêm nhiệm)	0	0	0	0	0
Cán bộ quản lý dược (kiêm nhiệm)	0	0	0	0	0
Khác (cụ thể)	0	0	0	0	0
Tổng số:	0	0	0	0	0

Phần 5: Thống kê các đơn vị y tế tham gia hoạt động chống lao (Báo cáo một lần vào cuối năm)

Tổng số đơn vị y tế hiện có (a)	Số đơn vị y tế có triển khai công tác chống lao hiện có (trong a) (b)	Hình thức tham gia công tác chống lao				Dịch vụ HIV	
		Chuyên người nghi lao	Chẩn đoán phát hiện bệnh lao	Quản lý điều trị bệnh lao	chẩn đoán và quản lý điều trị bệnh lao (Tổ chống lao)	Số cơ sở có tư vấn và XN HIV cho bệnh nhân lao (trong b)	Số cơ sở cung cấp ART cho bệnh nhân lao (trong b)
0	0		0	0	0	0	0

BỘ Y TẾ
CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO QUỐC GIA

M6

BÁO CÁO
Tình hình đăng ký điều trị bệnh nhân lao

Tên đơn vị báo cáo: Bệnh viện Đa khoa Than Uyên - Tỉnh: Lai Châu

Người làm báo cáo: Đinh Ngọc Hà

Số ĐT: 0396617206. Chữ ký:

Lô bệnh nhân đăng ký điều trị trong

Từ tháng 01/4/2026 đến 30/6/2026

Ngày làm báo cáo 03/4/2026

Phân loại đơn vị báo cáo: CTCL

Y tế công

Y tế tư

Phần 1. Toàn bộ bệnh nhân lao đăng ký điều trị trong quý (trừ bệnh nhân chuyển đến) và tình trạng HIV

Phân loại BN lao	Mới	Tái phát	Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)	Không rõ tiền sử điều trị	Tổng số
Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	1	0	0	0	1
Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	0	0	0	0	0
Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	1	0	0	0	1
Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	2	0	0	0	2
Tổng số	4	0	0	0	4
Trong đó:					
Có xét nghiệm HIV	2	0	0	0	2
Bệnh nhân lao/HIV	0	0	0	0	0
BN lao/HIV điều trị ART	0	0	0	0	0
BN lao/HIV điều trị CPT	0	0	0	0	0
BN lao/HIV được đăng ký tại phòng khám ngoại trú HIV	0	0	0	0	0

Phần 2. Bệnh nhân lao mới và tái phát theo tuổi, giới

Giới	Nhóm tuổi								Tổng
	0-4	5-14	15-24	25-34	35-44	45-54	55-64	≥65	
Nam	0	0	0	0	1	2	0	0	3
Nữ	0	0	0	0	0	0	0	1	1
Tổng	0	0	0	0	1	2	0	1	4
Trong đó HIV(+):	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Phần 3. Bệnh nhân lao trẻ em (<15 tuổi)

Phân loại BN lao	Mới	Tái phát	Điều trị lại (thất bại, ĐTL sau bỏ trị, tiền sử ĐT khác)	Không rõ tiền sử điều trị	Tổng số
Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	0	0	0	0	0
Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	0	0	0	0	0
Lao ngoài phổi có bằng chứng vi khuẩn học	0	0	0	0	0
Lao ngoài phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	0	0	0	0	0
Tổng số	0	0	0	0	0

Nội dung	Cán bộ YT		Người HIV		Nhóm khác (bụi phổi, suy thận, cấy ghép tạng, điều trị ức chế MD kéo dài, BN tiểu đường)		Tổng số
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
6. Số người điều trị LTA quý cùng kỳ năm trước (a+b+c+d+d+e+f)	0	0	0	0	0	0	0
a. Trong đó hoàn thành điều trị (ghi số hoàn thành điều trị theo từng công thức liệt kê dưới đây – ghi theo thứ tự)	0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R	0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
b. Thất bại (ghi số thất bại theo từng công thức liệt kê dưới đây – ghi theo thứ tự)	0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R	0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
c. Tử vong (ghi số tử vong theo từng công thức liệt kê dưới đây – ghi theo thứ tự)	0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R	0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
d. Bỏ trị (ghi số bỏ trị theo từng công thức liệt kê dưới đây – ghi theo thứ tự)	0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0

Nội dung	Cán bộ YT		Người HIV		Nhóm khác (bụi phổi, suy thận, cấy ghép tạng, điều trị ức chế MD kéo dài, BN tiểu đường)		Tổng số
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
(5) Công thức 4R (6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
e. Ngừng điều trị do độc tính của thuốc (tác dụng phụ nặng...) (ghi số ngừng điều trị theo từng công thức liệt kê dưới đây – ghi theo thứ tự)	0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R	0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
f. Không đánh giá (ghi số không đánh giá theo từng công thức liệt kê dưới đây – ghi theo thứ tự)	0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R	0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
7. Số ca lao phát hiện trong quý báo cáo ở nhóm nguy cơ khác (cột 13 mã 1 và thông tin của các đợt khám phát hiện chủ động lao/ lao tiềm ẩn nếu có)	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	0	0	0	0	0	0
	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	0	0	0	0	0	0
	Lao ngoài phổi	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0

BÁO CÁO QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU TRỊ LAO TIỀM ẨN Ở NGƯỜI TIẾP XÚC

Quý II năm 2026

Đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Than Uyên - Tỉnh: Lai Châu

(Dựa theo số Đăng ký Quản lý lao tiềm ẩn)

Nội dung	0-4 tuổi		5-14 tuổi		>14 tuổi		Tổng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
1. Số BN lao phổi đăng ký (cột 1)							1
2. Tổng số người tiếp xúc hộ gia đình BN lao phổi (đếm tại danh sách người tiếp xúc HGĐBNLP)	0	0	0	0	0	0	0
3. Số người tiếp xúc tham gia khám phát hiện lao LTA (cột 3)	0	0	0	0	0	0	0
4. Số NTX được khám phát hiện, chẩn đoán bệnh lao (cột 12)	0	0	0	0	0	0	0
5. Số người xét nghiệm chẩn đoán LTA (lấy thông tin ở cột 8)			0	0	0	0	0
6. Số NTX xét nghiệm dương tính và đủ tiêu chuẩn dự phòng (cột 14)	0	0	0	0	0	0	0
7. Số người đồng ý điều trị LTA (dòng đầu ghi tổng số NTX được tư vấn từ các quý trước, đồng ý dự phòng trong quý báo cáo, dòng thứ hai ghi tổng số NTX của quý báo cáo đồng ý điều trị, 6 dòng dưới tách tổng số NTX điều trị theo các công thức liệt kê dưới đây theo đúng thứ tự) (cột 15)	0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R	0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
8. Số NTX điều trị LTA quý cùng kỳ năm trước (a+b+c+d+e+f)	0	0	0	0	0	0	0
a. Trong đó hoàn thành điều trị (ghi số hoàn thành điều trị theo từng công thức liệt kê dưới đây - ghi theo thứ tự)	0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H							

Nội dung	0-4 tuổi		5-14 tuổi		>14 tuổi		Tổng
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R	0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
b. Thất bại (ghi số thất bại theo từng công thức liệt kê dưới đây - ghi theo thứ tự)							
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R	0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
c. Tử vong (ghi số tử vong theo từng công thức liệt kê dưới đây - ghi theo thứ tự)							
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP	0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R	0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L	0	0	0	0	0	0	0
d. Bỏ trị (ghi số bỏ trị theo từng công thức liệt kê dưới đây - ghi theo thứ tự)							
(1) Công thức 6H/9H	0	0	0	0	0	0	0
(2) Công thức 3RH	0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP	0	0	0	0	0	0	0

Nội dung		0-4 tuổi		5-14 tuổi		>14 tuổi		Tổng
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	
(4) Công thức 1HP		0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R		0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L		0	0	0	0	0	0	0
e. Ngừng điều trị do độc tính của thuốc (tác dụng phụ nặng...) (ghi số ngừng điều trị theo từng công thức liệt kê dưới đây - ghi theo thứ tự)		0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H								
(2) Công thức 3RH		0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP		0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP		0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R		0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L		0	0	0	0	0	0	0
f. Không đánh giá (ghi số không đánh giá theo từng công thức liệt kê dưới đây - ghi theo thứ tự)		0	0	0	0	0	0	0
(1) Công thức 6H/9H								
(2) Công thức 3RH		0	0	0	0	0	0	0
(3) Công thức 3HP		0	0	0	0	0	0	0
(4) Công thức 1HP		0	0	0	0	0	0	0
(5) Công thức 4R		0	0	0	0	0	0	0
(6) Công thức 6L		0	0	0	0	0	0	0
9. Số ca lao phát hiện trong quý báo cáo ở NTX (cột 13 mã 1)	Lao phổi có bằng chứng vi khuẩn học	0	0	0	0	0	0	0
	Lao phổi không có bằng chứng vi khuẩn học	0	0	0	0	0	0	0
	Lao ngoài phổi	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	0	0	0	0	0	0	0

BỘ Y TẾ
CHƯƠNG TRÌNH CHỐNG LAO QUỐC GIA

M7

BÁO CÁO
Kết quả âm hoá đờm sau 2(3) tháng điều trị đối với bệnh nhân Lao phổi AFB(+)

Phân loại đơn vị điều trị: CTCL Y tế công Y tế tư

Tên đơn vị báo cáo: Bệnh viện Đa khoa Than Uyên Tỉnh: Tỉnh Lai Châu	Từ 01/4/2026 đến 30/6/2026
Người làm báo cáo ký (Ký và ghi rõ họ tên): Đinh Ngọc Hà	Ngày làm báo cáo 02/7/2026

Số bệnh nhân dương tính đăng ký trong quý	Tháng xét nghiệm	Dương tính	Âm tính	Không xét nghiệm	
Mới	1	Sau 2 tháng điều trị	0	1	0
Điều trị lại	0	Sau 3 tháng điều trị	0	0	0

